**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT SỐ 1.**

**Lớp 12 CB.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Este** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
| **Chuẩn KT – KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | |  | |
| - Nêu được định khái niệm, danh pháp, tính chất vật lí, điều chế - ứng dụng este. | | - Hiểu, giải thích được tính chất vật lí, hóa học của este và so sánh các tính chất đó | | - Xác định công thức este đơn chức, tính khối lượng chất ban đầu, sản phẩm | | - Bài toán liên quan đến tính chất hóa học đặc biệt của este. | |
| **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** |
| 3 | 1 | 3 | 1 | 2 | 0,67 | 1 | 0,33 | 9 | 3 |
| **Chất béo** | **Chuẩn KT – KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | |  | |
| - Nêu được khái niệm, cấu tạo, tính chất vật lí, hóa học, ứng dụng chất béo | | - Hiểu, giải thích được tính chất vật lí, hóa học của chất béo | | - Xác định công thức chất béo, tính khối lượng chất ban đầu, sản phẩm | |  | |
| **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** |
| 2 | 0,67 | 3 | 1 | 1 | 0,33 |  |  | 06 | 2 |
| **Glucozơ** | **Chuẩn KT – KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | |  | |
| - Nêu được khái niệm, phân loại cacbohiđrat, CTCT glucozơ, tính chất vật lí và ứng dụng glucozơ | | Hiểu tính chất hóa học cơ bản của glucozơ (phản ứng của các nhóm chức và sự lên men) | | - Phân biệt dung dịch glucozơ với glixerol và fructozơ bằng phương pháp hoá học. | |  | |
| **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** |
| 2 | 0,67 | 2 | 0,67 | 2 | 0,67 |  |  | 6 | 2 |
| **Saccarozơ**  **Tinh bột Xenlulozơ** | **Chuẩn KT – KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | | **Chuẩn KT - KN** | |  | |
| - Nêu được cấu tạo, trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí  - Nêu được cacbohiđrat nào có, không có pư thủy phân, tráng gương. | | - Hiểu và giải thích được các hiện tượng thí nghiệm, nhận biết các chất  - So sánh tính chất vật lí, hóa học | | - Vận dụng đặc điểm cấu tạo, tính chất hóa học của saccarozơ, tinh bột và xenlulozơ trong đời sống hằng ngày. | | Bài toán liên quan đến tính chất hóa học của cacbohidrat | |
| **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** |
| 3 | 1 | 3 | 1 | 1 | 0,33 | 1 | 0,33 | 9 | 3 |
| **Tổng** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** | **Số câu** | **Điểm** |
| 10 | 3.33 | 11 | 3,67 | 6 | 2 | 3 | 01 | **30** | **10** |

**Chú ý.**

*- Nội dung, chủ đề kiến thức cảu câu hỏi/bài tập: lí thuyết 4 điểm, tính toán 4 điểm, tình huống thực hành thí nghiệm và liên hệ thực tiễn 2 điểm*

*- Nhận biết 4 điểm, thông hiểu 3 điểm, vận dụng 2 điểm, và vận dụng cao 1 điểm (Có thể điều chỉnh tương đối phù hợp với số câu hỏi)*

**SỞ GD-ĐT NAM ĐỊNH KIỂM TRA 1 TIẾT LẦN 1 - NĂM HỌC 2016-2017**

**TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN MÔN HOÁ 12**

**MÃ ĐỀ: 134**

**HỌ VÀ TÊN:** ……………………………… .................  **LỚP 12A….**

***Biết NTK của các nguyên tố sau:*** *H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ba=137; Ag=108*

**Khoanh vào đáp án đúng nhất**

**Câu 1.**Thuỷ phân hoàn toàn 0,15 mol một este E cần dùng vừa đủ 100 gam dung dịch NaOH 18%, thu được một ancol và 34,8 gam hỗn hợp muối của hai axit cacboxylic đơn chức. Hai axit đó là.

**A.**HCOOH và C3H7COOH. **B.**HCOOH và C2H5COOH.

**C.**HCOOH và CH3COOH. **D.**CH3COOH và C2H5COOH.

**Câu 2.**Hợp chất X đơn chức, có công thức đơn giản nhất là CH2O. X tác dụng được với dung dịch NaOH nhưng không tác dụng được với Na. Công thức cấu tạo của X là

**A.**O=HC-CH2OH. **B.**CH3COOCH3. **C.**HCOOCH3. **D.**CH3COOH.

**Câu 3.**Chất nào sau đây **không** phải là hợp chất este?

**A.**CH3OOC-COOCH3. **B.**C2H5COOH. **C.**HCOOC2H5. **D.**(C17H35COO)3C3H5.

**Câu 4.**Cho sơ đồ phản ứng điều chế chất Z như sau:

Xenlulozơ  X  Y Z. Tính khối lượng chất Z thu được nếu lượng xenlulozơ đã dùng là 8,1 gam, biết lượng CH3COOH dùng dư so với Y và hiệu suất cả quá trình đạt 60%.

**A.**5,28 gam. **B.**2,64 gam. **C.**8,80 gam. **D.**4,40 gam.

**Câu 5.**Trongcác nhận xét dưới đây, nhận xét nào **không** đúng?

**A.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với Cu(OH)2/OH- tạo ra cùng một loại phức đồng.

**B.**Glucozơ và fructozơ là hai chất đồng phân của nhau.

**C.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với hiđro sinh ra cùng một sản phẩm.

**D.**Cho glucozơ và fructozơ vào dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag.

**Câu 6.**Một cacbohiđrat (X) có các tính chất sau: không tham gia phản ứng thủy phân; có tham gia phản ứng tráng bạc và không làm mất màu nước brom. X là

**A.**saccarozơ. **B.**amilozơ. **C.**fructozơ. **D.**glucozơ.

**Câu 7.**Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ

phản ứng với

**A.**dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng. **B.**nước brom.

**C.**(CH3CO)2O. **D.**Cu(OH)2/OH- ở nhiệt độ thường.

**Câu 8.**Một mẫu tinh bột có khối lượng phân tử là 5.105u. Thủy phân hoàn toàn 1 mol tinh bột đó thì số mol glucozơ thu được là

**A.**4200. **B.**3086. **C.**3510. **D.**2778.

**Câu 9.**Hợp chất CH2=CH-COO-CH3 **không** phản ứng với

**A.**H2O/H+, đun nóng. **B.**dung dịch KOH, đun nóng.

**C.**nước brom. **D.**Cu(OH)2.

**Câu 10.**Chất béo là trieste của các axit béo với

**A.**C2H5OH. **B.**C3H5OH. **C.**C3H5(OH)3. **D.**C2H4(OH)2.

**Câu 11.**Thuỷ phân 62,5 gam dung dịch saccarozơ 17,1% trong môi trường axit (vừa đủ) được dung dịch X. Cho dung dịch AgNO3/NH3 (dư) vào X và đun nhẹ thu được m gam Ag. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m là **A.**7,50. **B.**13,50. **C.**15,00. **D.**6,75.

**Câu 12.**Chất nào dưới đây có nhiệt độ sôi thấp nhất?

**A.**CH3COOCH3. **B.**C3H7OH. **C.**CH3COOC2H5. **D.**C2H5COOH.

**Câu 13.**Biết X là một cacbohiđrat, X tham gia vào chuyển hóa sau :

. Phát biểu nào sau đây đúng?

diệp lục tố

**A.**X, Y, Z là những chất hữu cơ. **B.** Z là ancol etylic.

**C.**X là xenlulozơ. **D.**Y được gọi là đường nho.

**Câu 14.**Cho các phát biểu sau:

1. Fructozơ có phản ứng với dung dịch AgNO3 trong NH3 sinh ra Ag.

2. Đốt cháy hoàn toàn este no, đơn chức, mạch hở thu được CO2 và H2Ovới số mol bằng nhau.

3. Mỡ động vật và dầu thực vật đều không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

4. Saccarozơ có vị ngọt hơn fructozơ.

5. Để nhận biết glucozơ và fructozơ có thể dùng Cu(OH)2/OH-.

6. Gạo nếp dẻo hơn gạo tẻ do trong gạo nếp chứa nhiều amilopectin hơn.

Số phát biểu đúng là

**A.**3. **B.**2. **C.**5. **D.**4.

**Câu 15.**Có bao nhiêu este có công thức phân tử C4H8O2 tạo bởi axit fomic?

**A.**1. **B.**4. **C.**2. **D.**3.

**Câu 16.**Cho E là triglixerit được tạo bởi hai axit béo X, Y (phân tử có cùng số nguyên tử cacbon và không quá ba liên kết π, MX< MY, số mol Y nhỏ hơn số mol X) và glixerol. Xà phòng hóa hoàn toàn 7,98 gam E bằng KOH vừa đủ thu được 8,74 gam hỗn hợp hai muối. Đốt cháy hoàn toàn 7,98 gam E thu được 0,51 mol CO2. Phân tử khối của X là

**A.**250. **B.**256. **C.**252. **D.**254.

**Câu 17.**Thể tích (đktc) khí H2 cần dùng để chuyển hóa hoàn toàn 442 kg triolein thành tristearin là

**A.**22,4 m3. **B.**33,6 m3. **C.**11,2 m3. **D.**22,4 m3.

**Câu 18.**Đun nóng chất X với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được sản phẩm Y. Cho toàn bộ Y vào dung dịch AgNO3 trong NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag. Chất X **không thể** là chất nào sau đây?

**A.**HCOOCH3. **B.**CH3COOCH=CH2. **C.**HCOOH. **D.**CH3COOC2H5.

**Câu 19.**Loại thực phẩm **không** chứa nhiều saccarozơ là

**A.**mật mía. **B.**mật ong. **C.**đường cát. **D.**đường phèn.

**Câu 20.**Một triglixerit X khi thủy phân trong môi trường axit thì thu được glixerol và 2 axit: axit stearic và axit oleic (theo tỉ lệ số mol tương ứng là 1:2). Số đồng phân cấu tạo của X là

**A.**4. **B.**1. **C.**2. **D.**3.

**Câu 21.**Hỗn hợp X gồm hai este no, đơn chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn một lượng X cần dùng vừa đủ 3,976 lít O2 (đktc), thu được 6,38 gam CO2. Mặt khác, X tác dụng với dung dịch NaOH thu được một muối và hai ancol là đồng đẳng kế tiếp. Phần trăm số mol của este có phân tử khối nhỏ hơn trong X là

**A.**62,50%. **B.**33,53%. **C.**25,00%. **D.**37,50%.

**Câu 22.**Chất hữu cơ đơn chức X có phân tử khối bằng 88. Cho 12,32 gam X tác dụng hoàn toàn với 200ml dung dịch NaOH 1M đun nóng. Đem cô cạn dụng dịch sau phản ứng thu được 15,84 gam bã rắn khan. Công thức cấu tạo của X là **A.**C3H7COOH. **B.**C2H5COOCH3. **C.**CH3COOC2H5. **D.**HCOOC3H7.

**Câu 23.**Công thức nào sau đây là công thức thu gọn của tripanmitin?

**A.**(C17H35COO)3C3H5. **B.**(C17H31COO)3C3H5. **C.**(C17H33COO)3C3H5. **D.**(C15H31COO)3C3H5.

**Câu 24.**Tên gọi của hợp chất CH3COOCH3 là

**A.**etyl axetat. **B.**metyl propionat. **C.**metyl axetat. **D.**propyl axetat.

**Câu 25.**Chất **không** tan được trong nước lạnh là

**A.**glucozơ. **B.**fructozơ. **C.**tinh bột. **D.**saccarozơ.

**Câu 26.**Chất lỏng hòa tan được xenlulozơ là

**A.**nước Svayde. **B.**benzen. **C.**etanol. **D.**ete.

**Câu 27.**Đốt cháy hoàn toàn 0,6 mol hỗn hợp T chứa ancol X, este đơn chức Y và anđehit Z (X, Y, Z đều no, mạch hở và có cùng số nguyên tử hidro) có tỉ lệ mol tương ứng 3 : 1 : 2 thu được 24,64 lít CO2 (đktc) và 21,6 gam nước. Mặt khác cho 0,6 mol hỗn hợp T trên tác dụng với dung dịch AgNO3 dư trong NH3, đun nóng thu được m gam Ag. Giá trị của m là

**A.**97,2. **B.**108,0. **C.**64,8. **D.**86,4.

**Câu 28.**Hỗn hơp E chứa 2 este X, Y đều hai chức, mạch hở và không chứa nhóm chức khác; trong đó Y không no chứa một liên kết đôi C=C. Đốt cháy hoàn toàn 0,15 mol E bằng lượng oxi vừa đủ, thu được 36,96 gam CO2. Mặt khác, đun nóng 0,15 mol E với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được a gam một ancol Z duy nhất và 21,6 gam hỗn hợp muối. Dẫn toàn bộ Z qua bình đựng Na dư, thấy khối lượng bình tăng 11,1 gam. Phần trăm khối lượng của Y trong hỗn hợp E có **giá trị gần nhất với**

**A.**37%. **B.**25%. **C.**31%. **D.**20%.

**Câu 29.**Cho saccarozơ và glucozơ lần lượt tác dụng với: Cu(OH)2/OH-; nước brom; dung dịch H2SO4 loãng, đun nóng; dung dịch AgNO­3/NH3, đun nóng. Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học là

**A.**6. **B.**3. **C.**4. **D.**5.

**Câu 30.**Frutozơ **không** thuộc loại

**A.**monosaccarit. **B.**đissaccarit. **C.**hợp chất tạp chức. **D.**cacbohiđrat.

**SỞ GD-ĐT NAM ĐỊNH KIỂM TRA 1 TIẾT LẦN 1 - NĂM HỌC 2016-2017**

**TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN MÔN HOÁ 12**

**MÃ ĐỀ: 234**

**HỌ VÀ TÊN:** ……………………………… .................  **LỚP 12A….**

***Biết NTK của các nguyên tố sau:*** *H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ba=137; Ag=108*

**Khoanh vào đáp án đúng nhất**

**Câu 1.**Cho saccarozơ và glucozơ lần lượt tác dụng với: Cu(OH)2/OH-; nước brom; dung dịch H2SO4 loãng, đun nóng; dung dịch AgNO­3/NH3, đun nóng. Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học là

**A.**4. **B.**3. **C.**5. **D.**6.

**Câu 2.**Chất nào dưới đây có nhiệt độ sôi thấp nhất?

**A.**CH3COOC2H5. **B.**C3H7OH. **C.**CH3COOCH3. **D.**C2H5COOH.

**Câu 3.**Thể tích (đktc) khí H2 cần dùng để chuyển hóa hoàn toàn 442 kg triolein thành tristearin là

**A.**22,4 m3. **B.**22,4 m3. **C.**33,6 m3. **D.**11,2 m3.

**Câu 4.**Tên gọi của hợp chất CH3COOCH3 là

**A.**propyl axetat. **B.**metyl propionat. **C.**metyl axetat. **D.**etyl axetat.

**Câu 5.**Hỗn hợp X gồm hai este no, đơn chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn một lượng X cần dùng vừa đủ 3,976 lít O2 (đktc), thu được 6,38 gam CO2. Mặt khác, X tác dụng với dung dịch NaOH thu được một muối và hai ancol là đồng đẳng kế tiếp. Phần trăm số mol của este có phân tử khối nhỏ hơn trong X là

**A.**62,50%. **B.**37,50%. **C.**25,00%. **D.**33,53%.

**Câu 6.**Một triglixerit X khi thủy phân trong môi trường axit thì thu được glixerol và 2 axit: axit stearic và axit oleic (theo tỉ lệ số mol tương ứng là 1:2). Số đồng phân cấu tạo của X là

**A.**1. **B.**4. **C.**2. **D.**3.

**Câu 7.**Chất lỏng hòa tan được xenlulozơ là

**A.**benzen. **B.**nước Svayde. **C.**etanol. **D.**ete.

**Câu 8.**Cho E là triglixerit được tạo bởi hai axit béo X, Y (phân tử có cùng số nguyên tử cacbon và không quá ba liên kết π, MX< MY, số mol Y nhỏ hơn số mol X) và glixerol. Xà phòng hóa hoàn toàn 7,98 gam E bằng KOH vừa đủ thu được 8,74 gam hỗn hợp hai muối. Đốt cháy hoàn toàn 7,98 gam E thu được 0,51 mol CO2. Phân tử khối của X là

**A.**252. **B.**256. **C.**254. **D.**250.

**Câu 9.**Công thức nào sau đây là công thức thu gọn của tripanmitin?

**A.**(C17H35COO)3C3H5. **B.**(C15H31COO)3C3H5. **C.**(C17H33COO)3C3H5. **D.**(C17H31COO)3C3H5.

**Câu 10.**Hợp chất X đơn chức, có công thức đơn giản nhất là CH2O. X tác dụng được với dung dịch NaOH nhưng không tác dụng được với Na. Công thức cấu tạo của X là

**A.**CH3COOCH3. **B.**O=HC-CH2OH. **C.**HCOOCH3. **D.**CH3COOH.

**Câu 11.**Chất hữu cơ đơn chức X có phân tử khối bằng 88. Cho 12,32 gam X tác dụng hoàn toàn với 200ml dung dịch NaOH 1M đun nóng. Đem cô cạn dụng dịch sau phản ứng thu được 15,84 gam bã rắn khan. Công thức cấu tạo của X là **A.**CH3COOC2H5. **B.**C2H5COOCH3. **C.**HCOOC3H7. **D.**C3H7COOH.

**Câu 12.**Hỗn hơp E chứa 2 este X, Y đều hai chức, mạch hở và không chứa nhóm chức khác; trong đó Y không no chứa một liên kết đôi C=C. Đốt cháy hoàn toàn 0,15 mol E bằng lượng oxi vừa đủ, thu được 36,96 gam CO2. Mặt khác, đun nóng 0,15 mol E với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được a gam một ancol Z duy nhất và 21,6 gam hỗn hợp muối. Dẫn toàn bộ Z qua bình đựng Na dư, thấy khối lượng bình tăng 11,1 gam. Phần trăm khối lượng của Y trong hỗn hợp E có **giá trị gần nhất với**

**A.**31%. **B.**37%. **C.**20%. **D.**25%.

**Câu 13.**Thuỷ phân 62,5 gam dung dịch saccarozơ 17,1% trong môi trường axit (vừa đủ) được dung dịch X. Cho dung dịch AgNO3/NH3 (dư) vào X và đun nhẹ thu được m gam Ag. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m là **A.**7,50. **B.**15,00. **C.**13,50. **D.**6,75.

**Câu 14.**Đun nóng chất X với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được sản phẩm Y. Cho toàn bộ Y vào dung dịch AgNO3 trong NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag. Chất X **không thể** là chất nào sau đây?

**A.**HCOOCH3. **B.**CH3COOC2H5. **C.**HCOOH. **D.**CH3COOCH=CH2.

**Câu 15.**Cho các phát biểu sau:

1. Fructozơ có phản ứng với dung dịch AgNO3 trong NH3 sinh ra Ag.

2. Đốt cháy hoàn toàn este no, đơn chức, mạch hở thu được CO2 và H2Ovới số mol bằng nhau.

3. Mỡ động vật và dầu thực vật đều không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

4. Saccarozơ có vị ngọt hơn fructozơ.

5. Để nhận biết glucozơ và fructozơ có thể dùng Cu(OH)2/OH-.

6. Gạo nếp dẻo hơn gạo tẻ do trong gạo nếp chứa nhiều amilopectin hơn.

Số phát biểu đúng là

**A.**3. **B.**5. **C.**4. **D.**2.

**Câu 16.**Trongcác nhận xét dưới đây, nhận xét nào **không** đúng?

**A.**Glucozơ và fructozơ là hai chất đồng phân của nhau.

**B.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với Cu(OH)2/OH- tạo ra cùng một loại phức đồng.

**C.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với hiđro sinh ra cùng một sản phẩm.

**D.**Cho glucozơ và fructozơ vào dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag.

**Câu 17.**Cho sơ đồ phản ứng điều chế chất Z như sau:

Xenlulozơ  X  Y Z. Tính khối lượng chất Z thu được nếu lượng xenlulozơ đã dùng là 8,1 gam, biết lượng CH3COOH dùng dư so với Y và hiệu suất cả quá trình đạt 60%.

**A.**4,40 gam. **B.**2,64 gam. **C.**8,80 gam. **D.**5,28 gam.

**Câu 18.**Biết X là một cacbohiđrat, X tham gia vào chuyển hóa sau :

. Phát biểu nào sau đây đúng?

diệp lục tố

**A.**X là xenlulozơ. **B.**X, Y, Z là những chất hữu cơ.

**C.** Z là ancol etylic. **D.**Y được gọi là đường nho.

**Câu 19.**Hợp chất CH2=CH-COO-CH3 **không** phản ứng với

**A.**Cu(OH)2. **B.**nước brom.

**C.**H2O/H+, đun nóng. **D.**dung dịch KOH, đun nóng.

**Câu 20.**Một cacbohiđrat (X) có các tính chất sau: không tham gia phản ứng thủy phân; có tham gia phản ứng tráng bạc và không làm mất màu nước brom. X là

**A.**amilozơ. **B.**glucozơ. **C.**fructozơ. **D.**saccarozơ.

**Câu 21.**Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ

phản ứng với

**A.**Cu(OH)2/OH- ở nhiệt độ thường. **B.**(CH3CO)2O.

**C.**dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng. **D.**nước brom.

**Câu 22.**Loại thực phẩm **không** chứa nhiều saccarozơ là

**A.**mật mía. **B.**đường phèn. **C.**mật ong. **D.**đường cát.

**Câu 23.**Chất nào sau đây **không** phải là hợp chất este?

**A.**HCOOC2H5. **B.**CH3OOC-COOCH3. **C.**(C17H35COO)3C3H5. **D.**C2H5COOH.

**Câu 24.**Một mẫu tinh bột có khối lượng phân tử là 5.105u. Thủy phân hoàn toàn 1 mol tinh bột đó thì số mol glucozơ thu được là

**A.**2778. **B.**4200. **C.**3086. **D.**3510.

**Câu 25.**Frutozơ **không** thuộc loại

**A.**đissaccarit. **B.**hợp chất tạp chức. **C.**monosaccarit. **D.**cacbohiđrat.

**Câu 26.**Đốt cháy hoàn toàn 0,6 mol hỗn hợp T chứa ancol X, este đơn chức Y và anđehit Z (X, Y, Z đều no, mạch hở và có cùng số nguyên tử hidro) có tỉ lệ mol tương ứng 3 : 1 : 2 thu được 24,64 lít CO2 (đktc) và 21,6 gam nước. Mặt khác cho 0,6 mol hỗn hợp T trên tác dụng với dung dịch AgNO3 dư trong NH3, đun nóng thu được m gam Ag. Giá trị của m là

**A.**64,8. **B.**86,4. **C.**97,2. **D.**108,0.

**Câu 27.**Chất **không** tan được trong nước lạnh là

**A.**tinh bột. **B.**fructozơ. **C.**glucozơ. **D.**saccarozơ.

**Câu 28.**Thuỷ phân hoàn toàn 0,15 mol một este E cần dùng vừa đủ 100 gam dung dịch NaOH 18%, thu được một ancol và 34,8 gam hỗn hợp muối của hai axit cacboxylic đơn chức. Hai axit đó là.

**A.**HCOOH và CH3COOH. **B.**CH3COOH và C2H5COOH.

**C.**HCOOH và C3H7COOH. **D.**HCOOH và C2H5COOH.

**Câu 29.**Chất béo là trieste của các axit béo với

**A.**C2H5OH. **B.**C3H5(OH)3. **C.**C3H5OH. **D.**C2H4(OH)2.

**Câu 30.**Có bao nhiêu este có công thức phân tử C4H8O2 tạo bởi axit fomic?

**A.**4. **B.**2. **C.**3. **D.**1.

**SỞ GD-ĐT NAM ĐỊNH KIỂM TRA 1 TIẾT LẦN 1 - NĂM HỌC 2016-2017**

**TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN MÔN HOÁ 12**

**MÃ ĐỀ: 345**

**HỌ VÀ TÊN:** ……………………………… .................  **LỚP 12A….**

***Biết NTK của các nguyên tố sau:*** *H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ba=137; Ag=108*

**Khoanh vào đáp án đúng nhất**

**Câu 1.**Tên gọi của hợp chất CH3COOCH3 là

**A.**propyl axetat. **B.**etyl axetat. **C.**metyl propionat. **D.**metyl axetat.

**Câu 2.**Chất nào dưới đây có nhiệt độ sôi thấp nhất?

**A.**C2H5COOH. **B.**C3H7OH. **C.**CH3COOCH3. **D.**CH3COOC2H5.

**Câu 3.**Hỗn hợp X gồm hai este no, đơn chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn một lượng X cần dùng vừa đủ 3,976 lít O2 (đktc), thu được 6,38 gam CO2. Mặt khác, X tác dụng với dung dịch NaOH thu được một muối và hai ancol là đồng đẳng kế tiếp. Phần trăm số mol của este có phân tử khối nhỏ hơn trong X là

**A.**62,50%. **B.**33,53%. **C.**25,00%. **D.**37,50%.

**Câu 4.**Cho saccarozơ và glucozơ lần lượt tác dụng với: Cu(OH)2/OH-; nước brom; dung dịch H2SO4 loãng, đun nóng; dung dịch AgNO­3/NH3, đun nóng. Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học là

**A.**5. **B.**6. **C.**4. **D.**3.

**Câu 5.**Thuỷ phân hoàn toàn 0,15 mol một este E cần dùng vừa đủ 100 gam dung dịch NaOH 18%, thu được một ancol và 34,8 gam hỗn hợp muối của hai axit cacboxylic đơn chức. Hai axit đó là.

**A.**HCOOH và C3H7COOH. **B.**CH3COOH và C2H5COOH.

**C.**HCOOH và C2H5COOH. **D.**HCOOH và CH3COOH.

**Câu 6.**Đun nóng chất X với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được sản phẩm Y. Cho toàn bộ Y vào dung dịch AgNO3 trong NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag. Chất X **không thể** là chất nào sau đây?

**A.**CH3COOCH=CH2. **B.**CH3COOC2H5. **C.**HCOOCH3. **D.**HCOOH.

**Câu 7.**Hợp chất X đơn chức, có công thức đơn giản nhất là CH2O. X tác dụng được với dung dịch NaOH nhưng không tác dụng được với Na. Công thức cấu tạo của X là

**A.**HCOOCH3. **B.**CH3COOH. **C.**CH3COOCH3. **D.**O=HC-CH2OH.

**Câu 8.**Hợp chất CH2=CH-COO-CH3 **không** phản ứng với

**A.**nước brom. **B.**H2O/H+, đun nóng. **C.**dung dịch KOH, đun nóng. **D.**Cu(OH)2.

**Câu 9.**Một cacbohiđrat (X) có các tính chất sau: không tham gia phản ứng thủy phân; có tham gia phản ứng tráng bạc và không làm mất màu nước brom. X là

**A.**glucozơ. **B.**saccarozơ. **C.**amilozơ. **D.**fructozơ.

**Câu 10.**Thuỷ phân 62,5 gam dung dịch saccarozơ 17,1% trong môi trường axit (vừa đủ) được dung dịch X. Cho dung dịch AgNO3/NH3 (dư) vào X và đun nhẹ thu được m gam Ag. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m là **A.**13,50. **B.**7,50. **C.**6,75. **D.**15,00.

**Câu 11.**Một mẫu tinh bột có khối lượng phân tử là 5.105u. Thủy phân hoàn toàn 1 mol tinh bột đó thì số mol glucozơ thu được là

**A.**2778. **B.**3510. **C.**4200. **D.**3086.

**Câu 12.**Cho các phát biểu sau:

1. Fructozơ có phản ứng với dung dịch AgNO3 trong NH3 sinh ra Ag.

2. Đốt cháy hoàn toàn este no, đơn chức, mạch hở thu được CO2 và H2Ovới số mol bằng nhau.

3. Mỡ động vật và dầu thực vật đều không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

4. Saccarozơ có vị ngọt hơn fructozơ.

5. Để nhận biết glucozơ và fructozơ có thể dùng Cu(OH)2/OH-.

6. Gạo nếp dẻo hơn gạo tẻ do trong gạo nếp chứa nhiều amilopectin hơn.

Số phát biểu đúng là

**A.**4. **B.**2. **C.**3. **D.**5.

**Câu 13.**Công thức nào sau đây là công thức thu gọn của tripanmitin?

**A.**(C17H35COO)3C3H5. **B.**(C17H31COO)3C3H5. **C.**(C15H31COO)3C3H5. **D.**(C17H33COO)3C3H5.

**Câu 14.**Chất béo là trieste của các axit béo với

**A.**C3H5(OH)3. **B.**C2H4(OH)2. **C.**C2H5OH. **D.**C3H5OH.

**Câu 15.**Chất nào sau đây **không** phải là hợp chất este?

**A.**HCOOC2H5. **B.**(C17H35COO)3C3H5. **C.**C2H5COOH. **D.**CH3OOC-COOCH3.

**Câu 16.**Cho sơ đồ phản ứng điều chế chất Z như sau:

Xenlulozơ  X  Y Z. Tính khối lượng chất Z thu được nếu lượng xenlulozơ đã dùng là 8,1 gam, biết lượng CH3COOH dùng dư so với Y và hiệu suất cả quá trình đạt 60%.

**A.**5,28 gam. **B.**2,64 gam. **C.**4,40 gam. **D.**8,80 gam.

**Câu 17.**Loại thực phẩm **không** chứa nhiều saccarozơ là

**A.**đường cát. **B.**mật mía. **C.**mật ong. **D.**đường phèn.

**Câu 18.**Chất lỏng hòa tan được xenlulozơ là

**A.**etanol. **B.**ete. **C.**benzen. **D.**nước Svayde.

**Câu 19.**Đốt cháy hoàn toàn 0,6 mol hỗn hợp T chứa ancol X, este đơn chức Y và anđehit Z (X, Y, Z đều no, mạch hở và có cùng số nguyên tử hidro) có tỉ lệ mol tương ứng 3 : 1 : 2 thu được 24,64 lít CO2 (đktc) và 21,6 gam nước. Mặt khác cho 0,6 mol hỗn hợp T trên tác dụng với dung dịch AgNO3 dư trong NH3, đun nóng thu được m gam Ag. Giá trị của m là

**A.**86,4. **B.**108,0. **C.**97,2. **D.**64,8.

**Câu 20.**Một triglixerit X khi thủy phân trong môi trường axit thì thu được glixerol và 2 axit: axit stearic và axit oleic (theo tỉ lệ số mol tương ứng là 1:2). Số đồng phân cấu tạo của X là

**A.**3. **B.**1. **C.**4. **D.**2.

**Câu 21.**Hỗn hơp E chứa 2 este X, Y đều hai chức, mạch hở và không chứa nhóm chức khác; trong đó Y không no chứa một liên kết đôi C=C. Đốt cháy hoàn toàn 0,15 mol E bằng lượng oxi vừa đủ, thu được 36,96 gam CO2. Mặt khác, đun nóng 0,15 mol E với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được a gam một ancol Z duy nhất và 21,6 gam hỗn hợp muối. Dẫn toàn bộ Z qua bình đựng Na dư, thấy khối lượng bình tăng 11,1 gam. Phần trăm khối lượng của Y trong hỗn hợp E có **giá trị gần nhất với**

**A.**31%. **B.**20%. **C.**25%. **D.**37%.

**Câu 22.**Thể tích (đktc) khí H2 cần dùng để chuyển hóa hoàn toàn 442 kg triolein thành tristearin là

**A.**22,4 m3. **B.**33,6 m3. **C.**11,2 m3. **D.**22,4 m3.

**Câu 23.**Trongcác nhận xét dưới đây, nhận xét nào **không** đúng?

**A.**Cho glucozơ và fructozơ vào dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag.

**B.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với hiđro sinh ra cùng một sản phẩm.

**C.**Glucozơ và fructozơ là hai chất đồng phân của nhau.

**D.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với Cu(OH)2/OH- tạo ra cùng một loại phức đồng.

**Câu 24.**Chất **không** tan được trong nước lạnh là

**A.**fructozơ. **B.**glucozơ. **C.**saccarozơ. **D.**tinh bột.

**Câu 25.**Có bao nhiêu este có công thức phân tử C4H8O2 tạo bởi axit fomic?

**A.**4. **B.**2. **C.**3. **D.**1.

**Câu 26.**Frutozơ **không** thuộc loại

**A.**đissaccarit. **B.**cacbohiđrat. **C.**monosaccarit. **D.**hợp chất tạp chức.

**Câu 27.**Chất hữu cơ đơn chức X có phân tử khối bằng 88. Cho 12,32 gam X tác dụng hoàn toàn với 200ml dung dịch NaOH 1M đun nóng. Đem cô cạn dụng dịch sau phản ứng thu được 15,84 gam bã rắn khan. Công thức cấu tạo của X là **A.**HCOOC3H7. **B.**C2H5COOCH3. **C.**C3H7COOH. **D.**CH3COOC2H5.

**Câu 28.**Cho E là triglixerit được tạo bởi hai axit béo X, Y (phân tử có cùng số nguyên tử cacbon và không quá ba liên kết π, MX< MY, số mol Y nhỏ hơn số mol X) và glixerol. Xà phòng hóa hoàn toàn 7,98 gam E bằng KOH vừa đủ thu được 8,74 gam hỗn hợp hai muối. Đốt cháy hoàn toàn 7,98 gam E thu được 0,51 mol CO2. Phân tử khối của X là

**A.**250. **B.**254. **C.**252. **D.**256.

**Câu 29.**Biết X là một cacbohiđrat, X tham gia vào chuyển hóa sau :

. Phát biểu nào sau đây đúng?

diệp lục tố

**A.**Y được gọi là đường nho. **B.**X, Y, Z là những chất hữu cơ.

**C.** Z là ancol etylic. **D.**X là xenlulozơ.

**Câu 30.**Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ

phản ứng với

**A.**dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng. **B.**(CH3CO)2O.

**C.**nước brom. **D.**Cu(OH)2/OH- ở nhiệt độ thường.

**SỞ GD-ĐT NAM ĐỊNH KIỂM TRA 1 TIẾT LẦN 1 - NĂM HỌC 2016-2017**

**TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN LAN MÔN HOÁ 12**

**MÃ ĐỀ: 456**

**HỌ VÀ TÊN:** ……………………………… .................  **LỚP 12A….**

***Biết NTK của các nguyên tố sau:*** *H=1; C=12; O=16; Na=23; K=39; Ca=40; Ba=137; Ag=108*

**Khoanh vào đáp án đúng nhất**

**Câu 1.**Cho E là triglixerit được tạo bởi hai axit béo X, Y (phân tử có cùng số nguyên tử cacbon và không quá ba liên kết π, MX< MY, số mol Y nhỏ hơn số mol X) và glixerol. Xà phòng hóa hoàn toàn 7,98 gam E bằng KOH vừa đủ thu được 8,74 gam hỗn hợp hai muối. Đốt cháy hoàn toàn 7,98 gam E thu được 0,51 mol CO2. Phân tử khối của X là

**A.**250. **B.**252. **C.**256. **D.**254.

**Câu 2.**Chất nào sau đây **không** phải là hợp chất este?

**A.**HCOOC2H5. **B.**C2H5COOH. **C.**CH3OOC-COOCH3. **D.**(C17H35COO)3C3H5.

**Câu 3.**Chất nào dưới đây có nhiệt độ sôi thấp nhất?

**A.**C2H5COOH. **B.**CH3COOCH3. **C.**C3H7OH. **D.**CH3COOC2H5.

**Câu 4.**Hỗn hợp X gồm hai este no, đơn chức, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn một lượng X cần dùng vừa đủ 3,976 lít O2 (đktc), thu được 6,38 gam CO2. Mặt khác, X tác dụng với dung dịch NaOH thu được một muối và hai ancol là đồng đẳng kế tiếp. Phần trăm số mol của este có phân tử khối nhỏ hơn trong X là

**A.**33,53%. **B.**25,00%. **C.**62,50%. **D.**37,50%.

**Câu 5.**Cho saccarozơ và glucozơ lần lượt tác dụng với: Cu(OH)2/OH-; nước brom; dung dịch H2SO4 loãng, đun nóng; dung dịch AgNO­3/NH3, đun nóng. Số thí nghiệm xảy ra phản ứng hóa học là

**A.**3. **B.**4. **C.**6. **D.**5.

**Câu 6.**Để chứng minh trong phân tử glucozơ có nhiều nhóm hiđroxyl, người ta cho dung dịch glucozơ

phản ứng với

**A.**nước brom. **B.**Cu(OH)2/OH- ở nhiệt độ thường.

**C.**dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng. **D.**(CH3CO)2O.

**Câu 7.**Hợp chất X đơn chức, có công thức đơn giản nhất là CH2O. X tác dụng được với dung dịch NaOH nhưng không tác dụng được với Na. Công thức cấu tạo của X là

**A.**CH3COOCH3. **B.**CH3COOH. **C.**O=HC-CH2OH. **D.**HCOOCH3.

**Câu 8.**Trongcác nhận xét dưới đây, nhận xét nào **không** đúng?

**A.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với hiđro sinh ra cùng một sản phẩm.

**B.**Cho glucozơ và fructozơ vào dung dịch AgNO3/NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag.

**C.**Glucozơ và fructozơ có thể tác dụng với Cu(OH)2/OH- tạo ra cùng một loại phức đồng.

**D.**Glucozơ và fructozơ là hai chất đồng phân của nhau.

**Câu 9.**Chất **không** tan được trong nước lạnh là

**A.**glucozơ. **B.**tinh bột. **C.**saccarozơ. **D.**fructozơ.

**Câu 10.**Biết X là một cacbohiđrat, X tham gia vào chuyển hóa sau :

. Phát biểu nào sau đây đúng?

diệp lục tố

**A.** Z là ancol etylic. **B.**X là xenlulozơ.

**C.**X, Y, Z là những chất hữu cơ. **D.**Y được gọi là đường nho.

**Câu 11.**Một cacbohiđrat (X) có các tính chất sau: không tham gia phản ứng thủy phân; có tham gia phản ứng tráng bạc và không làm mất màu nước brom. X là

**A.**saccarozơ. **B.**fructozơ. **C.**amilozơ. **D.**glucozơ.

**Câu 12.**Chất béo là trieste của các axit béo với

**A.**C3H5(OH)3. **B.**C2H5OH. **C.**C2H4(OH)2. **D.**C3H5OH.

**Câu 13.**Đun nóng chất X với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được sản phẩm Y. Cho toàn bộ Y vào dung dịch AgNO3 trong NH3, đun nóng thấy sinh ra Ag. Chất X **không thể** là chất nào sau đây?

**A.**CH3COOC2H5. **B.**CH3COOCH=CH2. **C.**HCOOH. **D.**HCOOCH3.

**Câu 14.**Có bao nhiêu este có công thức phân tử C4H8O2 tạo bởi axit fomic?

**A.**4. **B.**2. **C.**3. **D.**1.

**Câu 15.**Thuỷ phân hoàn toàn 0,15 mol một este E cần dùng vừa đủ 100 gam dung dịch NaOH 18%, thu được một ancol và 34,8 gam hỗn hợp muối của hai axit cacboxylic đơn chức. Hai axit đó là.

**A.**HCOOH và CH3COOH. **B.**HCOOH và C3H7COOH.

**C.**CH3COOH và C2H5COOH. **D.**HCOOH và C2H5COOH.

**Câu 16.**Thể tích (đktc) khí H2 cần dùng để chuyển hóa hoàn toàn 442 kg triolein thành tristearin là

**A.**22,4 m3. **B.**11,2 m3. **C.**22,4 m3. **D.**33,6 m3.

**Câu 17.**Công thức nào sau đây là công thức thu gọn của tripanmitin?

**A.**(C15H31COO)3C3H5. **B.**(C17H33COO)3C3H5. **C.**(C17H31COO)3C3H5. **D.**(C17H35COO)3C3H5.

**Câu 18.**Tên gọi của hợp chất CH3COOCH3 là

**A.**propyl axetat. **B.**metyl axetat. **C.**metyl propionat. **D.**etyl axetat.

**Câu 19.**Chất lỏng hòa tan được xenlulozơ là

**A.**nước Svayde. **B.**benzen. **C.**etanol. **D.**ete.

**Câu 20.**Frutozơ **không** thuộc loại

**A.**hợp chất tạp chức. **B.**cacbohiđrat. **C.**monosaccarit. **D.**đissaccarit.

**Câu 21.**Hợp chất CH2=CH-COO-CH3 **không** phản ứng với

**A.**H2O/H+, đun nóng. **B.**nước brom.

**C.**dung dịch KOH, đun nóng. **D.**Cu(OH)2.

**Câu 22.**Chất hữu cơ đơn chức X có phân tử khối bằng 88. Cho 12,32 gam X tác dụng hoàn toàn với 200ml dung dịch NaOH 1M đun nóng. Đem cô cạn dụng dịch sau phản ứng thu được 15,84 gam bã rắn khan. Công thức cấu tạo của X là **A.**C3H7COOH. **B.**CH3COOC2H5. **C.**HCOOC3H7. **D.**C2H5COOCH3.

**Câu 23.**Đốt cháy hoàn toàn 0,6 mol hỗn hợp T chứa ancol X, este đơn chức Y và anđehit Z (X, Y, Z đều no, mạch hở và có cùng số nguyên tử hidro) có tỉ lệ mol tương ứng 3 : 1 : 2 thu được 24,64 lít CO2 (đktc) và 21,6 gam nước. Mặt khác cho 0,6 mol hỗn hợp T trên tác dụng với dung dịch AgNO3 dư trong NH3, đun nóng thu được m gam Ag. Giá trị của m là

**A.**86,4. **B.**64,8. **C.**97,2. **D.**108,0.

**Câu 24.**Một mẫu tinh bột có khối lượng phân tử là 5.105u. Thủy phân hoàn toàn 1 mol tinh bột đó thì số mol glucozơ thu được là

**A.**3510. **B.**4200. **C.**3086. **D.**2778.

**Câu 25.**Loại thực phẩm **không** chứa nhiều saccarozơ là

**A.**đường phèn. **B.**mật mía. **C.**đường cát. **D.**mật ong.

**Câu 26.**Một triglixerit X khi thủy phân trong môi trường axit thì thu được glixerol và 2 axit: axit stearic và axit oleic (theo tỉ lệ số mol tương ứng là 1:2). Số đồng phân cấu tạo của X là

**A.**2. **B.**3. **C.**4. **D.**1.

**Câu 27.**Cho các phát biểu sau:

1. Fructozơ có phản ứng với dung dịch AgNO3 trong NH3 sinh ra Ag.

2. Đốt cháy hoàn toàn este no, đơn chức, mạch hở thu được CO2 và H2Ovới số mol bằng nhau.

3. Mỡ động vật và dầu thực vật đều không tan trong nước và nhẹ hơn nước.

4. Saccarozơ có vị ngọt hơn fructozơ.

5. Để nhận biết glucozơ và fructozơ có thể dùng Cu(OH)2/OH-.

6. Gạo nếp dẻo hơn gạo tẻ do trong gạo nếp chứa nhiều amilopectin hơn.

Số phát biểu đúng là

**A.**3. **B.**4. **C.**2. **D.**5.

**Câu 28.**Thuỷ phân 62,5 gam dung dịch saccarozơ 17,1% trong môi trường axit (vừa đủ) được dung dịch X. Cho dung dịch AgNO3/NH3 (dư) vào X và đun nhẹ thu được m gam Ag. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn, giá trị của m là **A.**15,00. **B.**7,50. **C.**6,75. **D.**13,50.

**Câu 29.**Hỗn hơp E chứa 2 este X, Y đều hai chức, mạch hở và không chứa nhóm chức khác; trong đó Y không no chứa một liên kết đôi C=C. Đốt cháy hoàn toàn 0,15 mol E bằng lượng oxi vừa đủ, thu được 36,96 gam CO2. Mặt khác, đun nóng 0,15 mol E với dung dịch NaOH vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được a gam một ancol Z duy nhất và 21,6 gam hỗn hợp muối. Dẫn toàn bộ Z qua bình đựng Na dư, thấy khối lượng bình tăng 11,1 gam. Phần trăm khối lượng của Y trong hỗn hợp E có **giá trị gần nhất với**

**A.**31%. **B.**37%. **C.**25%. **D.**20%.

**Câu 30.**Cho sơ đồ phản ứng điều chế chất Z như sau:

Xenlulozơ  X  Y Z. Tính khối lượng chất Z thu được nếu lượng xenlulozơ đã dùng là 8,1 gam, biết lượng CH3COOH dùng dư so với Y và hiệu suất cả quá trình đạt 60%.

**A.**8,80 gam. **B.**2,64 gam. **C.**4,40 gam. **D.**5,28 gam.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã đề** | **134** | **234** | **345** | **456** |
| **1** | **B** | **C** | **D** | **B** |
| **2** | **C** | **C** | **C** | **B** |
| **3** | **B** | **C** | **C** | **B** |
| **4** | **B** | **C** | **A** | **C** |
| **5** | **A** | **A** | **C** | **D** |
| **6** | **C** | **D** | **B** | **B** |
| **7** | **D** | **B** | **A** | **D** |
| **8** | **A** | **A** | **D** | **C** |
| **9** | **A** | **B** | **D** | **B** |
| **10** | **D** | **C** | **A** | **D** |
| **11** | **C** | **B** | **C** | **B** |
| **12** | **B** | **A** | **A** | **A** |
| **13** | **A** | **C** | **C** | **A** |
| **14** | **D** | **B** | **A** | **B** |
| **15** | **D** | **C** | **C** | **D** |
| **16** | **C** | **B** | **B** | **D** |
| **17** | **A** | **B** | **C** | **A** |
| **18** | **C** | **D** | **D** | **B** |
| **19** | **B** | **A** | **B** | **A** |
| **20** | **D** | **C** | **D** | **D** |
| **21** | **B** | **A** | **B** | **D** |
| **22** | **B** | **C** | **B** | **D** |
| **23** | **D** | **D** | **D** | **C** |
| **24** | **C** | **A** | **D** | **C** |
| **25** | **C** | **A** | **B** | **D** |
| **26** | **A** | **A** | **A** | **A** |
| **27** | **A** | **A** | **B** | **B** |
| **28** | **A** | **D** | **C** | **D** |
| **29** | **D** | **B** | **A** | **C** |
| **30** | **B** | **B** | **D** | **B** |
|  |  |  |  |  |